

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày 15/7/2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng;

2. Ông Lê Văn Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 359/2024/TLST-DS ngày 17/12/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2025/QĐXXST-DS, ngày 29/5/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (sau đây gọi là *Ngân hàng*); địa chỉ: Số B L, phường G (trước khi sáp nhập là phường T, quận B), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc, địa chỉ nơi làm việc: Số B L, phường G (trước khi sáp nhập là phường T, quận B), Thành phố Hà Nội, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; ông Trần Thanh T, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng- Chi nhánh T3; địa chỉ nơi làm việc: Số B đường N, xã T (trước khi sáp nhập là thị trấn L, huyện T), tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 556/UQ-NHNo.TPQN-TN ngày 26/11/2024), ông T có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1968 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: Thôn C, xã A (trước khi sáp nhập là xã N, thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi; đều vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Phạm Hoàng V1 sinh năm 2005

- Cháu Phạm Thị Tiểu Tiên S năm 2008

Người đại diện hợp pháp của cháu T1 là ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị C (cha, mẹ đẻ).

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã A (trước khi sáp nhập là xã N, thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2024, Đơn yêu cầu thay đổi nội dung đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2024; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:*

Ngân hàng và bà Phạm Thị C (được ông Phạm Văn Đ ủy quyền theo Giấy ủy quyền lập ngày 06/10/2017, chứng nhận tại Văn phòng C1 ngày 06/10/2017) có ký:

- Hợp đồng tín dụng số 4501LAV201900452 ngày 18/01/2019 để cho ông Đ, bà C vay số tiền 1.200.000.000 đồng, mục đích: Thanh toán tiền mua chân vịt, đầu máy, hộp số..., thời hạn vay 120 tháng; lãi suất cho vay: 11%/năm; trả nợ gốc hàng năm, trả lãi 03 tháng/lần; bà C đã ký mục I.Theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ ngày 18/01/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, ông Đ, bà C không thực hiện đúng thỏa thuận, không trả lãi và gốc vay đúng hạn nên khoản vay của ông Đ, bà C đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 19/01/2020. Tạm tính đến ngày 14/7/2025, ông Đ, bà C đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 428.482.960 đồng, số tiền nợ lãi là 201.767.123 đồng, còn nợ 771.517.040 đồng tiền nợ gốc, 623.785.271 đồng tiền nợ lãi trong hạn, tổng cộng còn nợ gốc và lãi là 1.395.302.311 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 4501LAV202301105 ngày 10/3/2023 để cho ông Đ, bà C vay số tiền 1.300.000.000 đồng, mục đích: Thanh toán tiền nhân công khai thác hải sản, thời hạn vay 12 tháng; lãi suất cho vay: 7,5%/năm; trả nợ gốc cuối kỳ, trả lãi 06 tháng/lần; bà C đã ký Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ (kèm theo hợp đồng tín dụng số 4501LAV202301105 ngày 10/3/2023). Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, ông Đ, bà C không thực hiện đúng thỏa thuận, không trả lãi và gốc vay đúng hạn nên khoản vay của ông Đ, bà C đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 11/9/2023. Tạm tính đến ngày 14/7/2025, ông Đ, bà C chưa trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc, đã trả 6.143.836 đồng tiền nợ lãi, còn nợ 1.300.000.000 đồng tiền nợ gốc, 223.047.946 đồng tiền nợ lãi trong hạn, 16.962.329 đồng tiền nợ lãi quá hạn, tổng cộng còn nợ gốc và lãi là 1.540.010.275 đồng.

Tính đến ngày 14/7/2025, tổng số tiền gốc và lãi đối với hai hợp đồng tín dụng trên, ông Đ, bà C còn nợ Ngân hàng là 2.935.312.586 đồng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ khoản vay trên (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan nếu có), Ngân hàng và ông Đ, bà C đã ký kết các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 60/15-HĐTC ngày 04/3/2015 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 1980, tờ bản đồ số 03, thôn C, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi là thửa đất 1980) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 01633QSDĐ/số 1951/QĐUB(H) do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 30/12/2003 cho hộ bà Phạm Thị C.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 263/17-HĐTC ngày 14/7/2017 thế chấp tàu cá QNg-92145-TS theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số QNg-92145-TS do Chi cục Thủy sản tỉnh Q cấp ngày 10/5/2015 cho chủ tàu ông Phạm Văn Đ.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 264/17-HĐTC ngày 14/7/2017 thế chấp tàu cá QNg-92060-TS theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số QNg-92060-TS do Chi cục Thủy sản tỉnh Q cấp ngày 11/5/2015 cho chủ tàu bà Phạm Thị C.

Ngày 25/4/2025, Ngân hàng R yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết đối với hai tàu cá mang số QNg-92145-TS và QNg-92060-TS nữa. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà C phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 2.935.312.586 đồng (*tạm tính đến ngày 14/7/2025*) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/7/2025 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp ông Đ, bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất 1980 theo hợp đồng thế chấp đã ký để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Đ, bà C có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ.

** Tại Bản tự khai và Biên bản làm việc cùng ngày 23/12/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Thị Tiểu T1 là ông Phạm Văn Đ trình bày:*

Ông Đ thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thống nhất có nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, đồng ý giao tài sản thế chấp để xử lý trả nợ cho Ngân hàng. Hiện nay trên thửa đất 1980 mà bị đơn thế chấp cho Ngân hàng có nhà do bị đơn tạo lập, đang sinh sống cùng với hai con là Phạm Hoàng V1 và Phạm Thị Tiểu T1. Toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng do bị đơn tạo lập nên, các con được ở chứ không có công đóng góp gì.

** Bị đơn và người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Thị Tiểu T1 là bà Phạm Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hoàng V1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án và không đến Tòa làm việc.*

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I- Quảng Ngãi tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn tổng đạt các văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn Đ, bà Phạm Thị C phải trả cho Ngân hàng 2.071.517.040 đồng tiền nợ gốc, 846.833.217 đồng tiền nợ lãi trong hạn, 16.962.329 đồng nợ lãi quá hạn, tổng cộng còn nợ gốc và lãi là 2.935.312.586 đồng (*tính đến ngày 14/7/2025*), tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/7/2025 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông Đ, bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng*

có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là đất và tài sản gắn liền với thửa đất 1980 theo hợp đồng thế chấp đã ký để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Đ, bà C có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ. Ngày 25/4/2025, Ngân hàng R yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết đối với hai tàu cá mang số QNg-92145-TS và QNg-92060-TS nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Hoàn trả cho Ngân hàng tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Đ, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng do đạt và xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*.

[1.2.] Địa chỉ của bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị C tại thôn C, xã A (*trước khi sáp nhập là xã N, thành phố Q*), tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Hợp đồng tín dụng (dùng cho khách hàng cá nhân) số 4501LAV201900452 ngày 18/01/2019 và khoản 5 Điều 9 Hợp đồng tín dụng số 4501LAV202301105 ngày 10/3/2023 giữa Ngân hàng và ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị C, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi.

[1.3] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa hai lần nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Đ, bà C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng V2 vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị C phải thanh toán số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bị đơn, ông Đ thống nhất yêu cầu khởi kiện, bà C không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ khoản 2, 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án căn cứ những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, không phải chứng minh, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà C trả nợ 2.071.517.040 đồng tiền nợ gốc, 846.833.217 đồng tiền nợ lãi trong hạn, 16.962.329 đồng nợ lãi quá hạn, tổng cộng còn nợ gốc và lãi là 2.935.312.586 đồng (*tính đến ngày 14/7/2025*), tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/7/2025 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị đơn ông Đ, bà C đã tự nguyện ký với Ngân hàng:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 60/15-HĐTC ngày 04/3/2015 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 1980, tờ bản đồ số 03, thôn C, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (*sau đây gọi là thửa đất 1980*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 01633QSDĐ/số 1951/QĐUB(H) do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 30/12/2003 cho hộ bà Phạm Thị C, được Văn phòng C2 chứng nhận ngày 06/3/2015 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q-chi nhánh thành phố T3 ngày 10/3/2015.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 263/17-HĐTC ngày 14/7/2017 thế chấp tàu cá QNg-92145-TS theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số QNg-92145-TS do Chi cục Thủy sản tỉnh Q cấp ngày 10/5/2015 cho chủ tàu ông Phạm Văn Đ.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 264/17-HĐTC ngày 14/7/2017 thế chấp tàu cá QNg-92060-TS theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số QNg-92060-TS do Chi cục Thủy sản tỉnh Q cấp ngày 11/5/2015 cho chủ tàu bà Phạm Thị C.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông Đ, bà C tại các hợp đồng tín dụng được ký giữa ông Đ, bà C và Ngân hàng (*bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan nếu có*).

Ngày 25/4/2025, Ngân hàng có đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện tự nguyện rút yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết đối với hai tàu cá mang số QNg-92145-TS và QNg-92060-TS nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp là hai tàu cá mang số QNg-92145-TS và QNg-92060-TS

Ngân hàng yêu cầu trường hợp ông Đ, bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất 492 (*theo Kết quả trích đo thửa đất ngày 12/3/2025 của Trung tâm trắc địa và quan trắc môi trường tỉnh Q thì thửa đất 1980, tờ bản đồ số 03, xã N, thành phố Q nay là thửa đất số 492, tờ bản đồ số 10, xã A, tỉnh Quảng Ngãi*) theo hợp đồng thế chấp đã ký để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Đ, bà C có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[4] Về án phí: Ông Đ, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

[5] Về chi phí tố tụng: Bao gồm chi phí đo đạc 4.000.000 đồng, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng; tổng cộng là 7.000.000 đồng, ông Đ, bà C phải chịu. Ngân hàng đã nộp tạm ứng và đã chi xong nên buộc ông Đ, bà C có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền 9.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, 144, 147, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1.1 Buộc ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền là 2.935.312.586 đồng (*Hai tỷ chín trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm mười hai nghìn, năm trăm tám mươi sáu đồng*), trong đó 2.071.517.040 đồng (*Hai tỷ không trăm bảy mươi một triệu, năm trăm mười bảy nghìn, không trăm lẻ bốn đồng*) tiền nợ gốc, 846.833.217 đồng (*Tám trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm mười bảy đồng*) tiền nợ lãi trong hạn, 16.962.329 đồng (*Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng*) nợ lãi quá hạn (*tính đến ngày 14/7/2025*)

1.2. Kể từ ngày 15/7/2025, ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

1.3. Trường hợp ông Phạm Văn Đ và bà Phạm Thị C không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng là thửa đất số 492, tờ bản đồ số 10, xã A, tỉnh Quảng Ngãi (*trước đây là thửa đất 1980, tờ bản đồ số 3, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01633/QSDĐ/số 1951/QĐUB(H) do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 30/12/2003 cho hộ bà Phạm Thị C, được Văn phòng C2 chứng nhận ngày 06/3/2015 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q- chi nhánh thành phố T3 ngày 10/3/2015 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 60/15-HĐTC ngày 04/3/2015 và tài sản gắn liền với đất để trả nợ cho Ngân hàng N.

1.4. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Đ, bà C có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi hết nợ.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về xử lý tài sản thế chấp là hai tàu cá mang số QNg-92145-TS và QNg-92060-TS.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Đ và bà C phải chịu chi phí tố tụng là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), Ngân hàng N đã nộp tạm ứng 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) nên Ông Đ và bà C có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

4. Về án phí: Ông Đ và bà C phải chịu 90.706.251 đồng (*Chín mươi triệu, bảy trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm năm mươi một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 47.930.749đ (*Bốn mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi chín đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000890 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1- Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1- Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Ly